

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRÀ ĐỐC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 854/QĐ-UBND

Trà Đốc, ngày 06 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách đến Quý II năm 2026
của UBND xã Trà Đốc**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRÀ ĐỐC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Trà Đốc về việc giao nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia ngân sách xã được hưởng và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của xã Trà Đốc sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính;

Căn Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Trà Đốc về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng- an ninh, dự toán thu – chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Trà Đốc năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số: 480/TTr-PKT ngày 06/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách đến Quý II năm 2026 của UBND xã Trà Đốc.

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính thành phố;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các phòng, ban, đoàn thể thuộc xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT-PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Châu Minh Ninh



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ ĐẾN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 854/QĐ-UBND ngày 06/07/2026 của UBND xã Trà Đốc)

Đơn vị: đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN QUÝ II	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	263.367.000.000	207.017.628.577	78.604
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	411.000.000	309.906.977	75.403
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.571.000.000	966.278.447	37.584
3	Thu bổ sung	260.385.000.000	179.059.428.000	68.767
	- Thu bổ sung cân đối	193.842.000.000	96.921.000.000	50.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	66.543.000.000	82.138.428.000	123.437
4	Thu chuyển nguồn		26.682.015.153	
5	Thu kết dư			
II	TỔNG SỐ CHI	263.367.000.000	131.475.523.750	49.921
1	Chi đầu tư phát triển	30.172.000.000	16.164.424.400	53.574
2	Chi thường xuyên	226.306.000.000	115.311.039.350	50.954
3	Chi nộp ngân sách cấp trên		60.000	
4	Dự phòng	6.889.000.000		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ ĐẾN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 854/QĐ-UBND ngày 06/07/2026 của UBND xã Trà Đốc)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN QUÝ II		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	9.400.000.000	263.367.000.000	209.023.253.180	207.017.628.577	2223.652	78.604
I	Các khoản thu 100%	411.000.000	411.000.000	325.009.583	309.906.977	79.078	75.403
1	Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	28.274.000	13.174.000	94.247	43.913
2	Lệ phí trước bạ	380.000.000	380.000.000	296.681.767	296.681.767	78.074	78.074
3	Thu khác	1.000.000	1.000.000	53.816	51.210	5.382	5.121
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	8.989.000.000	2.571.000.000	2.956.740.444	966.278.447	32.893	37.584
1	Thuế GTGT thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	320.000.000	265.000.000	151.618.856	125.843.659	47.381	47.488
2	Thuế TNCN	20.000.000	17.000.000	-2.078.662	-1.725.287	-10.393	-10.149
3	Thu cấp quyền KTKS, tài nguyên nước	8.600.000.000	2.289.000.000	2.807.200.250	842.160.075	32.642	36.792
4	Thu khác	49.000.000					
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			26.682.015.153	26.682.015.153		
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			60.000			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		260.385.000.000	179.059.428.000	179.059.428.000		68.767
1	Thu bổ sung cân đối		193.842.000.000	96.921.000.000	96.921.000.000		50.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu		66.543.000.000	82.138.428.000	82.138.428.000		123.437

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ ĐẾN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 854/QĐ-UBND ngày 06/07/2026 của UBND xã Trà Đốc)



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN QUÝ II				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3	
	TỔNG CHI	263.367.000.000	30.172.000.000	233.195.000.000	131.475.523.750	16.164.424.400	115.311.099.350	49.921	53.574	49.448	
1	Chi quốc phòng	4.340.984.000		4.340.984.000	1.721.870.971		1.721.870.971	39.665		39.665	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	993.036.000		993.036.000	827.632.000	280.527.000	547.105.000	83.344		55.094	
3	Chi giáo dục	116.334.623.000		116.334.623.000	64.156.896.513	6.641.490.000	57.515.406.513	55.149		49.440	
4	Chi khoa học và công nghệ	2.300.000.000		2.300.000.000	96.542.500		96.542.500	4.198		4.198	
5	Chi y tế	8.011.800.000		8.011.800.000	5.993.370.392		5.993.370.392	74.807		74.807	
6	Chi văn hóa, thông tin	1.600.000.000		1.600.000.000	1.510.297.300	1.141.159.300	369.138.000	94.394		23.071	
7	Chi hoạt động đài truyền thanh	230.000.000		230.000.000	0						
8	Chi thể dục thể thao	250.000.000		250.000.000	31.463.100	31.463.100		12.585			
9	Chi bảo vệ môi trường	600.000.000		600.000.000	0						
10	Chi các hoạt động kinh tế	13.320.238.000		13.320.238.000	11.086.710.000	7.352.054.000	3.734.656.000	83.232		28.037	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	30.443.342.000		30.443.342.000	21.125.860.174	701.731.000	20.424.129.174	69.394		67.089	
12	Chi cho công tác xã hội	43.434.000.000		43.434.000.000	24.909.820.800	16.000.000	24.893.820.800	57.351		57.314	
13	Chi khác	500.000.000		500.000.000	15.000.000		15.000.000	3.000		3.000	
14	Chi nộp trả cấp trên				60.000		60.000				
15	CCTL	3.947.977.000		3.947.977.000	0						
16	Dự phòng ngân sách xã	6.889.000.000		6.889.000.000	0						